

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN IA GRAI**

Số: 182 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Ia Grai, ngày 18 tháng 02 năm 2019*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc giao kế hoạch vốn đầu tư năm 2019 nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ  
Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới huyện Ia Grai**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 12/2017/QĐ-TTg ngày 22/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 118/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc phân bổ kế hoạch đầu tư nguồn ngân sách Trung ương và nhiệm vụ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Gia Lai giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 399/QĐ-UBND ngày 24/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc phân bổ kế hoạch đầu tư nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Gia Lai giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 73/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc giao kế hoạch vốn đầu tư năm 2019 nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Gia Lai;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao kế hoạch vốn đầu tư năm 2019 nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới huyện Ia Grai với kinh phí là 8.540 triệu đồng (Tám tỷ, năm trăm bốn mươi triệu đồng) cho Ủy ban nhân dân các xã: Ia Chía, Ia O, Ia Khai, Ia Krái, Ia Grăng, Ia Sao, Ia Hrung, Ia Yok, Ia Tô, Ia Bă, Ia Péch, Ia Dêr để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

(Có biểu chi tiết kèm theo)

**Điều 2.** Ủy ban nhân dân các xã có tên tại Điều 1 quản lý và sử dụng kinh phí đúng mục đích, tiết kiệm, có hiệu quả; tập trung đầu tư vào các tiêu chí còn khó khăn, các tiêu chí chưa đạt chuẩn để xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2019; Chủ động bố trí vốn đối ứng từ ngân sách địa phương, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện các mục tiêu của Chương trình; triển khai thực hiện đúng với tiêu chí, định mức theo quy định của các Bộ, ngành Trung ương hướng dẫn thực hiện kế hoạch Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2019; triển khai thực hiện và thanh quyết toán vốn đúng thời gian quy định.

Ủy ban nhân dân các xã có tên tại Điều 1 có trách nhiệm báo cáo tình hình thực hiện, giải ngân vốn về Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện để theo dõi, giám sát, tổng hợp báo cáo Sở Kế hoạch và Đầu tư và Ủy ban nhân dân huyện.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, Trưởng Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện, Giám đốc Kho bạc nhà nước Ia Grai, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.Đ

*Nơi nhận:*

- Như Điều 3;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Tài chính;
- TTTr. HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Lưu VT.



Dương Mạnh Tiệp

**BẢNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NĂM 2019 NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG HỖ TRỢ  
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI HUYỆN IA GRAI**  
 (Ban hành kèm theo Quyết định số 182 /QĐ-UBND ngày 18 tháng 02 năm 2019  
 của Ủy ban nhân dân huyện Ia Grai)

Đvt: Triệu đồng

STT	Địa bàn/Đối tượng	Kế hoạch giai đoạn 2016-2020	Đã phân bổ giai đoạn 2016- 2018	Kế hoạch giai đoạn 2019-2020 còn lại	Kế hoạch vốn năm 2019	Ghi chú
I	Xã nghèo, ĐBKK, Biên giới	19.880	6.200	13.680	4.260	
1	Xã Ia O	9.940	3.100	6.840	2.130	
2	Xã Ia Chía	9.940	3.100	6.840	2.130	
II	Xã đạt từ 15 tiêu chí trở lên	9.690	5.720	3.970	1.240	
1	Xã Ia Hrung	3.230	1.920	1.310	413	
2	Xã Ia Yok	3.230	1.920	1.310	413	
3	Xã Ia Dêr	3.230	1.880	1.350	414	
III	Các xã còn lại	17.395	7.632	9.763	3.040	
1	Xã Ia Sao	2.485	582	1.903	436	
2	Xã Ia Bă	2.485	375	2.110	434	
3	Xã Ia Tô	2.485	375	2.110	434	
4	Xã Ia Pêch	2.485	375	2.110	434	
5	Xã Ia Grăng	2.485	1.975	510	434	
6	Xã Ia Krái	2.485	1.975	510	434	
7	Xã Ia Khai	2.485	1.975	510	434	
Tổng cộng		46.965	19.552	27.413	8.540	